



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 39/2026/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 11 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định danh mục tài sản cố định đặc thù và danh mục, thời gian sử dụng
để tính hao mòn, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Ninh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 286/2025/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 141/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 218/TTr-STC ngày 18 tháng 5 năm 2026;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định danh mục tài sản cố định đặc thù và danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Ninh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định danh mục tài sản cố định đặc thù và danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Ninh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 và khoản 2 Điều 13 Thông tư số 141/2025/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Ninh (sau đây gọi là cơ quan, đơn vị).
2. Tổ chức tài chính nhà nước ngoài ngân sách được áp dụng theo cơ chế tài chính, cơ chế quản lý tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Ninh.
3. Doanh nghiệp được giao quản lý tài sản cố định không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Ninh.

Điều 3. Danh mục tài sản cố định đặc thù và danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình

1. Danh mục tài sản cố định đặc thù: Theo Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.
2. Danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình (trừ quyền sử dụng đất): Theo Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản căn cứ các nội dung quy định tại Thông tư số 141/2025/TT-BTC và Quyết định này thực hiện việc ghi sổ kế toán, hạch toán, theo dõi và quản lý tài sản theo đúng quy định.
2. Giao Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế cho phù hợp.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, người đứng đầu doanh nghiệp được Nhà nước giao quản lý tài sản cố định không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đã ký
Ngô Tân Phụng**

PHỤ LỤC I: DANH MỤC TÀI SẢN CỔ ĐỊNH ĐẶC THÙ

(Kèm theo Quyết định số: 39/2026/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

STT	DANH MỤC
I	Di tích lịch sử - văn hóa được xếp hạng
	Di tích quốc gia đặc biệt
	Di tích quốc gia
	Di tích cấp tỉnh
II	Tài liệu cổ, tài liệu quý hiếm, bộ sưu tập tài liệu cổ có giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hóa, khoa học
	Tài liệu cổ
	Tài liệu quý hiếm
	Bộ sưu tập tài liệu có giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hóa, khoa học
III	Cổ vật, hiện vật trưng bày, lưu trữ trong bảo tàng
	Bảo vật quốc gia
	Nhóm cổ vật, hiện vật chất liệu kim loại
	Nhóm cổ vật, hiện vật chất liệu nhựa
	Nhóm cổ vật, hiện vật chất liệu thủy tinh
	Nhóm cổ vật, hiện vật chất liệu gỗ, tre
	Nhóm cổ vật, hiện vật chất liệu vải
	Nhóm cổ vật, hiện vật chất liệu giấy
	Nhóm cổ vật, hiện vật chất liệu phim ảnh
	Nhóm cổ vật, hiện vật chất liệu da
	Nhóm cổ vật, hiện vật chất liệu xương, ngà
	Nhóm cổ vật, hiện vật chất liệu gốm, sành, sứ
	Nhóm cổ vật, hiện vật chất liệu đất, đá
	Nhóm cổ vật, hiện vật chất liệu khác
IV	Thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập
V	Quyền tác giả

STT	DANH MỤC
	Tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học
	Tác phẩm sân khấu, điện ảnh
	Tác phẩm nhiếp ảnh
	Tác phẩm mỹ thuật ứng dụng
	Tài liệu giáo dục địa phương
	Quyền tác giả của các tác phẩm khác
VI	Quyền liên quan đến quyền tác giả
	Quyền của người biểu diễn
	Quyền của nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình
	Quyền của tổ chức phát sóng
VII	Quyền sở hữu công nghiệp
	Bằng phát minh, sáng chế
	Bằng độc quyền giải pháp hữu ích
	Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp
	Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn
	Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu
	Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý
VIII	Quyền đối với giống cây trồng
	Bằng bảo hộ đối với giống cây trồng thân gỗ, cây leo thân gỗ
	Bằng bảo hộ đối với giống cây trồng khác

**PHỤ LỤC II: THỜI GIAN SỬ DỤNG ĐỂ TÍNH HAO MÒN
VÀ TỶ LỆ HAO MÒN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

(Kèm theo Quyết định số: 39 /2026/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

STT	Danh mục	Thời gian sử dụng để tính hao mòn (năm)	Tỷ lệ hao mòn (%/năm)
-----	----------	---	--------------------------

I	Sản phẩm phần mềm		
	Nhóm phần mềm hệ thống	5	20
	Nhóm phần mềm ứng dụng	5	20
	Nhóm phần mềm công cụ	5	20
	Nhóm phần mềm tiện ích	5	20
	Nhóm phần mềm nền tảng số	5	20
	Nhóm phần mềm khác	5	20
II	Tài sản cố định vô hình khác (trừ quyền sử dụng đất)	5	20